

Số: /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2437/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt Đề án cải thiện Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh và các cơ quan thuộc tỉnh Sóc Trăng từ nay đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng năm 2021 và những năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu:.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Mục đích, yêu cầu****1. Mục đích**

- Theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng trong quá trình triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ để các cấp Ủy đảng và cơ quan chức năng có thẩm quyền đánh giá trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị; xét thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân hàng năm.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm (theo Quyết định phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp loại của UBND tỉnh), các cơ quan, đơn vị nhận rõ những kết quả được, những tồn tại hạn chế để có giải pháp cải thiện, nâng chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính hàng năm nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị hàng năm và phải hoàn thành trong năm đánh giá.

- Đánh giá, xếp loại phải gắn với chức năng, nhiệm vụ, phản ánh đúng chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

- Bộ Chỉ số phải có “tính mở” để thuận lợi cho việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh hướng dẫn cho phù hợp với thực tiễn, phù hợp với Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

- Các tiêu chí đánh giá, xếp loại phải đảm bảo tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch và đảm bảo tính thống nhất, toàn diện; kết hợp các tiêu chí đánh giá bên trong với các tiêu chí đánh giá bên ngoài tổ chức; kết hợp với kết quả Chỉ số đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính (viết tắt là SIPAS) và kết quả chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Việc đánh giá Chỉ số cải cách hành chính hàng năm thực hiện thống nhất trên phần mềm đánh giá tại địa chỉ parindex.soctrang.gov.vn.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, phương pháp, trình tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của công tác quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

- a. Các sở, ban, ngành tỉnh.
- b. UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- c. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- d. Các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng (sau đây viết tắt là các cơ quan ngành dọc).

Điều 3. Thẩm quyền đánh giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan thực hiện đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị.

2. Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị.

Hội đồng thẩm định đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị (sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định) được thành lập và tổ chức hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, bao gồm Lãnh đạo của các các cơ quan sau:

- (1) Sở Nội vụ
- (2) Văn phòng UBND tỉnh
- (3) Sở Tài chính
- (4) Sở Kế hoạch và Đầu tư
- (5) Sở Tư pháp

- (6) Sở Thông tin và truyền thông
- (7) Mời Thanh tra tỉnh
- (8) Mời Sở Tài nguyên và Môi trường
- (9) Mời Sở Xây dựng

Căn cứ nhiệm vụ trọng tâm của từng năm, UBND tỉnh sẽ có văn bản bổ sung hoặc thay đổi các thành viên Hội đồng thẩm định.

3. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu giúp Hội đồng thẩm định của tỉnh triển khai thực hiện các nội dung về đánh giá, xếp loại. Giám đốc Sở Nội vụ Quyết định thành lập Tổ công tác giúp việc cho Hội đồng thẩm định.

Chương II

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 4. Nội dung đánh giá

1. Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với các sở, ban ngành tỉnh

Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với các sở, ban ngành tỉnh gồm 07 tiêu chí và 101 tiêu chí thành phần. Cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 03 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần
- Cải cách thể chế: 01 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần
- Cải cách thủ tục hành chính: 14 tiêu chí thành phần
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 13 tiêu chí thành phần
- Cải cách chế độ công vụ: 01 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần
- Cải cách tài chính công: 01 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần
- Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: 13 tiêu chí thành phần
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội: 01 tiêu chí và 33 tiêu chí thành phần

(Bộ tiêu chí chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này)

2. Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gồm 08 tiêu chí và 112 tiêu chí thành phần. Cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 03 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần

- Cải cách thể chế: 01 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần
 - Cải cách thủ tục hành chính: 15 tiêu chí thành phần
 - Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 18 tiêu chí thành phần
 - Cải cách chế độ công vụ: 02 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần
 - Cải cách tài chính công: 01 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần
 - Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: 13 tiêu chí thành phần
 - Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội: 01 tiêu chí và 31 tiêu chí thành phần
- (Bộ tiêu chí chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này)*

3. Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh

Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh gồm **10 tiêu chí** và 53 tiêu chí thành phần. Cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 02 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần
 - Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 03 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần
 - Cải cách chế độ công vụ: 03 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần
 - Cải cách tài chính công: 02 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần
 - Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: 01 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần
 - Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội: 23 tiêu chí thành phần
- (Bộ tiêu chí chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo Quy định này)*

4. Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh

Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh gồm 07 tiêu chí và 47 tiêu chí thành phần. Cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 02 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần
- Cải cách thủ tục hành chính: 03 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần
- Cải cách tài chính công: 01 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần
- Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: 01 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần

- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội:
24 tiêu chí thành phần

(Bộ tiêu chí chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này)

Điều 5. Phương pháp đánh giá

1. Đánh giá thông qua tự chấm đánh giá của các cơ quan, đơn vị (đính kèm các tài liệu kiểm chứng, giải trình) và kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định đối với cơ sở tài liệu kiểm chứng, giải trình các cơ quan, đơn vị đã cung cấp trên hệ thống phần mềm và một số kênh thông tin khác như kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát thực tế của các cơ quan có thẩm quyền; nội dung phản ánh trên các phương tiện thông tin - truyền thông đã được cơ quan chức năng xác thực hoặc có cơ sở xác thực khác.

2. Đánh giá thông qua điều tra xã hội học

a. Đối tượng khảo sát

- Phiếu khảo sát dành cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Phiếu khảo sát dành cho công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị tham gia đánh giá.

- Phiếu khảo sát dành cho doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước có giao dịch hành chính với các cơ quan, đơn vị trong năm đánh giá.

b. Phương pháp khảo sát

Thực hiện khảo sát, phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng câu hỏi được lập sẵn trên phần mềm tại địa chỉ sipas.soctrang.gov.vn; đảm bảo tính độc lập, chính xác, khách quan, trung thực.

c. Đơn vị thực hiện khảo sát: Giao Sở Nội vụ lựa chọn đơn vị tham gia triển khai dịch vụ khảo sát ngoài hệ thống cơ quan hành chính nhà nước để đảm bảo tính khách quan.

d. Phúc tra khảo sát: Giao Sở Nội vụ căn cứ bảng kê thông tin người trả lời phiếu khảo sát, tiến hành phúc tra phiếu khảo sát bằng các hình thức sau:

- Phúc tra trực tiếp: Trực tiếp đến gặp người trả lời phiếu khảo sát để thực hiện phúc tra.

- Phúc tra gián tiếp: Thông qua số điện thoại của người trả lời phiếu khảo sát để thực hiện phúc tra.

Phiếu khảo sát hợp lệ: Là phiếu được phát đúng đối tượng khảo sát; đối tượng được khảo sát phải trực tiếp trả lời phiếu; phiếu khảo sát phải được điền đầy đủ các thông tin ghi trên phiếu.

Điều 6. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá là: 100 điểm

Điểm Chỉ số CCHC bao gồm điểm tự đánh giá và điểm điều tra xã hội học

Căn cứ vào từng loại hình cơ quan, đơn vị mà cơ cấu điểm tự đánh giá và điểm điều tra xã hội học ở mỗi nhóm cơ quan, đơn vị tham gia sẽ khác nhau. Cụ thể như sau:

1. Các sở, ban ngành tỉnh: 63,00 điểm tự đánh giá và 37,00 điểm điều tra xã hội học

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh: 59,50 điểm tự đánh giá và 40,50 điểm điều tra xã hội học

3. UBND cấp huyện: 63,50 điểm tự đánh giá và 36,50 điểm điều tra xã hội học

4. Các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh: 54,00 điểm tự đánh giá và 46,00 điểm điều tra xã hội học

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 1, 2, 3, 4.

Điều 7. Trình tự đánh giá

1. Trên cơ sở rà soát, đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ với các yêu cầu, thang điểm của chỉ số, các cơ quan, đơn vị thực hiện tự đánh giá, giải trình và nhập kết quả tự chấm điểm, tài liệu kiểm chứng có liên quan vào Hệ thống phần mềm chấm điểm 02 (hai) lần theo các tiêu chí của Bộ chỉ số quy định.

- Tự đánh giá lần 1: Đơn vị xuất dữ liệu kết quả tự đánh giá, phê duyệt báo cáo kết quả tự chấm điểm lần 1 và đính kèm báo cáo để tiến hành thực hiện lệnh “Gửi” trên phần mềm.

- Tự đánh giá lần 2: Căn cứ ý kiến thẩm định lần 1 của Hội đồng thẩm định, các cơ quan, đơn vị tự rà soát đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa và tiếp tục giải trình, bổ sung, cập nhật tài liệu kiểm chứng lên phần mềm.

2. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định độc lập điểm tự đánh giá, tự chấm của các cơ quan, đơn vị 02 (hai) lần:

- Thẩm định lần 1: Căn cứ các yêu cầu và thang điểm của chỉ số; các tài liệu kiểm chứng và nội dung giải trình việc tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị; kết quả theo dõi quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong năm đánh giá, Thành viên Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng thẩm định xem xét cho ý kiến đánh giá trực tiếp trên phần mềm.

- Thẩm định lần 2: Căn cứ ý kiến giải trình và các tài liệu kiểm chứng được bổ sung của cơ quan, đơn vị, Thành viên Tổ thẩm định đưa ra quyết định về điểm số cụ thể cho từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

Hội đồng Thẩm định thống nhất trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính.

* Lưu ý:

- Trường hợp đồng ý với việc tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị: Thành viên xác nhận “Thông nhất” đồng thời xác nhận lại số điểm tại cột thẩm định.
- Trường hợp không đồng ý với việc tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị: Thành viên xác nhận “Không thông nhất”, phải nêu rõ lý do giảm điểm hoặc không cho điểm, đề nghị bổ sung rõ tên loại, nội dung tài liệu kiểm chứng.
- Thành viên Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng thẩm định có trách nhiệm báo cáo và xin ý kiến Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định lần 1 và lần 2. Kết quả lần 2 là kết quả thẩm định cuối cùng của Hội đồng thẩm định.

Điều 8. Xếp loại cơ quan, đơn vị

Kết quả đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được so với điểm tối đa và xếp theo thứ tự tỷ lệ điểm từ cao đến thấp theo 05 mức sau:

- Xuất sắc: Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên
- Tốt: Đạt tỷ lệ từ 80 % đến dưới 90%
- Khá: Đạt tỷ lệ từ 70 % đến dưới 80%
- Trung bình: Đạt tỷ lệ từ 50 % đến dưới 70%
- Thấp: Đạt tỷ lệ dưới 50%

Điều 9. Thời gian đánh giá và công bố kết quả xếp loại

1. Thời gian tự đánh giá:

- Lần 1: Chậm nhất ngày 31/10 hàng năm
- Lần 2: Trong thời gian 01 tuần (Thời gian cụ thể do Hội đồng thẩm định quyết định cụ thể)

2. Thời gian thẩm định kết quả tự đánh giá:

- Lần 1: Chậm nhất ngày 30/11 hàng năm
- Lần 2: Chậm nhất ngày 20/12 hàng năm

3. Thời gian trình công bố kết quả

Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tổng hợp và trình UBND tỉnh phê duyệt và công bố kết quả chậm nhất ngày **31/12** của năm đánh giá.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trong Hội đồng thẩm định và các cơ quan khác có liên quan, tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện việc thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật, hướng dẫn chi tiết nội dung đánh giá nêu tại Quyết định để các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị hàng năm.

- Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp với các sở chuyên ngành xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với các tiêu chí của Bộ Chỉ số. Tổ chức thực hiện khảo sát điều tra xã hội học (theo quy định tại Điều 5 của Quy định này). Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cải thiện phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính.

- Tham mưu với UBND tỉnh tổ chức công bố kết quả và thông báo những tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong quá trình đánh giá để các cơ quan, đơn vị đề ra các giải pháp khắc phục.

- Tham mưu, đưa kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số thành một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị, người đứng đầu các đơn vị và xét thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân, trình Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh quyết định.

- Hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

2. Các cơ quan có thành viên tham gia Hội đồng thẩm định

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao có trách nhiệm cùng với Sở Nội vụ hướng dẫn chi tiết nội dung tự đánh giá và thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm của các cơ quan, đơn vị đảm bảo tính khách quan, chính xác *(Theo phụ lục 6 đính kèm)*.

- Cử công chức theo dõi và tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị ở lĩnh vực cơ quan mình được giao quản lý.

- Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan thuộc lĩnh vực của cơ quan mình trong quá trình theo dõi, quản lý nhằm chứng minh tính xác thực việc tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hàng năm tham mưu xác định nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và giao chỉ tiêu cho các cơ quan, đơn vị thực hiện, đồng thời mỗi cơ quan, đơn vị có căn cứ để xác định nhiệm vụ trọng tâm cho ngành và cho cơ quan, đơn vị mình.

4. Văn phòng UBND tỉnh

- Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công vụ.

- Theo dõi việc thực hiện chương trình công tác tháng, quý, năm và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm, đột xuất của các cơ quan, đơn vị để làm cơ sở đánh giá, chấm điểm.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ nâng cấp phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định.

6. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện

- Tổ chức quán triệt Quy định này trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình.

- Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của mình, xác định một nhiệm vụ quan trọng nhất để xây dựng kế hoạch hoặc đề án thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Trực tiếp chỉ đạo việc tự đánh giá, chấm điểm chất lượng hoạt động hàng năm; giao bộ phận chuyên môn chủ trì, tổng hợp các nội dung tự đánh giá theo Bộ Chỉ số.

- Phối hợp với Hội đồng thẩm định cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan để thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần (Khi có yêu cầu của Hội đồng thẩm định).

- UBND cấp huyện căn cứ nội dung tại Quy định này, nghiên cứu, áp dụng việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động đối với UBND cấp xã cho phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương.

- Lập dự toán kinh phí triển khai thực hiện tự đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị mình trong tổng nguồn kinh phí hoạt động được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

7. Báo; Đài Phát thanh và Truyền hình; Cổng Thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về mục đích, nội dung đánh giá, xếp loại nhằm thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi, phản ánh chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức triển khai đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có). Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 12. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THAM GIA ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, XẾP HẠNG
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương
I	Sở ngành tỉnh
1	Ban Dân tộc
2	Ban Quản lý các khu công nghiệp
3	Sở Công Thương
4	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Sở Giao thông vận tải
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9	Sở Nội vụ
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Sở Tài chính
12	Sở Tài nguyên và Môi trường
13	Sở Thông tin và Truyền thông
14	Sở Tư pháp
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
16	Sở Xây dựng
17	Sở Y tế
18	Thanh tra tỉnh
19	Văn phòng UBND tỉnh
II	Đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh
20	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng
21	Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng
22	Ban Quản lý Dự án 1
23	Ban Quản lý Dự án 2
24	<i>Trường Bổ túc Văn hóa Pali Nam bộ</i>
25	<i>Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh</i>
III	Cơ quan, đơn vị Trung ương tại tỉnh
26	Công an tỉnh Sóc Trăng
27	Cục thuế tỉnh Sóc Trăng
28	Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng

29	Kho bạc nhà nước tỉnh Sóc Trăng
30	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sóc Trăng
31	Chi cục Hải quan tỉnh Sóc Trăng
32	<i>Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng</i>
33	<i>Chi cục Quản lý thị trường Sóc Trăng</i>
34	<i>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sóc Trăng</i>
35	<i>Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng</i>
36	<i>Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng</i>
IV	Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố
37	UBND huyện Châu Thành
38	UBND huyện Cù Lao Dung
39	UBND huyện Kế Sách
40	UBND huyện Long Phú
41	UBND huyện Mỹ Tú
42	UBND huyện Mỹ Xuyên
43	UBND huyện Thạnh Trị
44	UBND huyện Trần Đề
45	UBND thành phố Sóc Trăng
46	UBND thị xã Ngã Năm
47	UBND thị xã Vĩnh Châu

**PHÂN CÔNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH
ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

*(Kèm theo Công văn số:...../SNV-TTr, ngày/6/2023
của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Đơn vị	Nội dung phụ trách	Tiêu chí
1	Sở Tư pháp	Cải cách thể chế	- Phụ lục I: tiêu chí 2.1 (từ 2.1.1 đến 2.1.4) và tiêu chí 2.2 - Phụ lục II: tiêu chí 2.1 (từ 2.1.1 đến 2.1.7) và tiêu chí 2.2
2	Văn phòng UBND tỉnh	- Cải cách thủ tục hành chính - Cải cách TCBM	- Phụ lục I, II (tiêu chí 3) và IV (tiêu chí 2) - Phụ lục I, II: tiêu chí 4.1 và Phụ lục III: tiêu chí 2.1 - Phụ lục IV: TCTP 1.5.3
3	Sở Tài chính	Cải cách tài chính công	- Phụ lục I: tiêu chí 6 - Phụ lục II: tiêu chí 5 - Phụ lục III: tiêu chí 4 - Phụ lục IV: tiêu chí 3
4	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử	- Phụ lục I, II: tiêu chí 7.1 - Phụ lục III: tiêu chí 5.1 - Phụ lục IV: tiêu chí 4.1
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Ứng dụng ISO	- Phụ lục I, II: tiêu chí 7.2 - Phụ lục III: tiêu chí 5.2 - Phụ lục IV: tiêu chí 4.2
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đánh giá tác động của CCHC đối với PT KT - XH	Phụ lục II: tiêu chí 1.5
7	Sở Nội vụ	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (kể cả tiêu chí thành phần Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao)	Phụ lục I, II, III và IV (phụ lục IV trừ TCTP 1.5.3)
		Cải cách TCBM	- Phụ lục I, II (trừ tiêu chí 4.1) - Phụ lục III: (trừ tiêu chí 2.1, 2.2)
		Cải cách chế độ công vụ	- Phụ lục I, II: tiêu chí 5 - Phụ lục III: tiêu chí 3
		Tiêu chí đánh giá tác động nâng cao Chỉ số CCHC	Phụ lục I, II, III, IV: tiêu chí 1.1